

## MỤC LỤC

### KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

- 1. Nguyễn Trường Sơn, Lê Nguyễn Hương Quỳnh và Ngô Tấn Nhị** - Đánh giá văn hóa tổ chức của các doanh nghiệp tại thành phố Đà Nẵng dựa trên mô hình văn hóa denison. **Mã số: 177.1BMkt.11** 3  
*Evaluate of Organizational Culture of Businesses in Da Nang City Based in Denison Culture Model*
- 2. Nguyễn Thùy Dương** - Quan hệ giữa đầu tư nước ngoài (FDI), thương mại quốc tế và năng suất lao động tại các địa phương Việt Nam. **Mã số: 177.1TrEM.11** 17  
*The Relationship Between Foreign Investment (FDI), Trade Internationalization and Labor Productivity in Vietnamese Localities*
- 3. Nguyễn Thị Kim Nguyên** - Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư nước ngoài tại một số nước thuộc hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á. **Mã số: 177.TrEM.11** 30  
*Factors Affecting the Attraction of Foreign Direct Investment in Some Asean Countries*

### QUẢN TRỊ KINH DOANH

- 4. Nguyễn Hoàng Ngân, Trương Bá Thanh và Mai Thị Thu Trâm** - Ảnh hưởng của nỗi sợ covid-19 đến mối quan hệ giữa truyền thông xã hội, gắn kết thương hiệu và ý định quay lại du lịch đảo Lý Sơn. **Mã số: 177.2TRMg.21** 39  
*The Influence of COVID-19 Fears on the Dynamics of Social Media, Brand Loyalty, and the Intention to Revisit Ly Son Island*
- 5. Nguyễn Trần Hưng** - Nghiên cứu ảnh hưởng của nguồn thông tin đánh giá trực tuyến tới quyết định mua trực tuyến của người tiêu dùng Việt Nam. **Mã số: 177.2BMkt.21** 52  
*Research on the Influence of Online Reviews on Vietnamese Consumers' Online Purchasing Decisions*

- 6. Bùi Văn Huyền, Đỗ Thị Mẫn và Đỗ Tuấn Vũ** - Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: tình huống của các doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Thanh Hoá. **Mã số: 177.2BAdm.22** 69

*Research Factors Affecting the Business Performance of Enterprises: The Situation of Small and Medium – Sized Enterprises in Thanh Hoa Province*

- 7. Đặng Thị Thu Trang và Huỳnh Hiếu Ngân** - Ảnh hưởng của tích hợp kênh lên ý định mua lặp lại tại cửa hàng trực tuyến và truyền thống của người tiêu dùng: trường hợp sản phẩm quần áo thời trang tại Đà Nẵng. **Mã số: 177.2BMkt.21** 81

*The Impact of Channel Integration on Consumers' Online and Offline Patronage Intentions: A Case Study for Fashion Retailing Sector in Danang*

- 8. Lê Bảo Ngọc và Nguyễn Hoàng Việt** - Tác động của giá trị cảm nhận đối với các thiết bị gia dụng tiết kiệm điện đến lòng trung thành của khách hàng trên địa bàn thành phố Hà Nội. **Mã số: 177.2BMkt.21** 96

*Impact of Perceived Value Dimensions on Customer Loyalty Towards Energy-Efficient Home Appliances in Hanoi City*

## **Ý KIẾN TRAO ĐỔI**

---

- 9. Trần Thị Hoàng Hà và Thanh Kim** - Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học trong sản xuất rau an toàn tại các hợp tác xã trên địa bàn Hà Nội. **Mã số: 177.3TrEM.31** 109

*Factors Affecting Intentions to Use Biological Plant Protection Chemicals in Safe Vegetables Production in Hanoi – Base Cooperatives*

# CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TẠI MỘT SỐ NƯỚC THUỘC HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á

**Nguyễn Thị Kim Nguyễn**  
Trường Đại học Sao Đỏ  
Email: kimnguyendhsd1@gmail.com

Ngày nhận: 08/03/2023

Ngày nhận lại: 21/04/2023

Ngày duyệt đăng: 25/04/2023

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có đóng góp thiết thực vào phát triển kinh tế xã hội tại các quốc gia. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là nguồn lực bổ sung quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội, đóng góp vào ngân sách, việc làm và hội nhập kinh tế quốc tế. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thường đi liền với dịch chuyển về công nghệ, tri thức, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng suất lao động. Hơn nữa, các quốc gia sở hữu nguồn vốn nhân lực cao thường có lợi thế hơn trong thu hút dòng vốn FDI. Nghiên cứu tại một số nước trong Đông Nam Á, qua phân tích hồi quy, kết quả nghiên cứu khẳng định quốc gia có vốn nhân lực cao thì có nhiều lợi thế trong thu hút dòng vốn FDI. Hơn nữa, độ mở thương mại và tăng trưởng kinh tế có tác động tích cực đến khả năng thu hút FDI tại nước nhận đầu tư. Nghiên cứu cũng đề xuất một số hàm ý chính sách cho các quốc gia Đông Nam Á và cho Việt Nam nhằm cải thiện khả năng thu hút FDI trong thời gian tới.

**Từ khóa:** FDI, nguồn nhân lực, thu hút vốn.

**JEL Classifications:** C51, C52.

## 1. Lời giới thiệu

Khu vực châu Á đang trên con đường trở thành một cực phát triển quan trọng của kinh tế thế giới. Sự lớn mạnh của kinh tế Trung Quốc khi nước này trở thành nền kinh tế lớn thứ hai thế giới bên cạnh Nhật Bản là nền kinh tế lớn thứ ba thế giới, cùng với sự phát triển của kinh tế một số nước như Hàn Quốc, Singapore, Indonesia đã tạo nên động lực phát triển chính của kinh tế khu vực châu Á. Có thể nói, kinh tế châu Á nói chung và Đông Nam Á nói riêng đang phát triển nhanh và đang thực sự dẫn dắt các nền kinh tế khác phát triển và đồng thời biến nơi đây là khu vực có khả năng thu hút các dòng vốn đầu tư, đặc biệt là dòng vốn đầu tư quốc tế. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là nguồn lực tài chính quan trọng giúp kết nối và phát triển kinh tế các quốc gia. Các dòng vốn quốc tế thường có lợi thế về khoa học và công nghệ cao, có năng suất cao và có khả năng kết nối giữa các nền kinh tế thông qua hoạt động

ngoại thương. Đối với các nước đang phát triển, nguồn lực tài chính còn thiếu hụt, nên khi có sự bổ sung của dòng vốn FDI có thể mang đến nhiều dư địa cho phát triển kinh tế, đóng góp vào ngân sách quốc tế và đặc biệt tạo công ăn việc làm cho nền kinh tế.

Để phát triển được kinh tế, đặc biệt là gia tăng khả năng thu hút các dòng vốn quốc tế cho đầu tư trong nước, các nước nhận đầu tư không ngừng cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng cứng và hạ tầng mềm. Chất lượng cơ sở hạ tầng cứng thể hiện qua các khoản đầu tư vào hạ tầng kết nối giao thông trong nước, cải thiện hệ thống logistics và qua đó giảm chi phí vận chuyển hàng hóa, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa trong nước. Cơ sở hạ tầng mềm thể hiện qua cải thiện chất lượng quản lý nhà nước, dịch vụ hành chính công, môi trường kinh doanh và nhờ đó giúp doanh nghiệp có thể an tâm thực hiện kinh doanh và phát triển kinh tế. Ngoài ra, cải thiện chất

lượng nguồn nhân lực thông qua cải thiện hệ thống giáo dục, y tế, từ đó cải thiện được nguồn vốn nhân lực có thể giúp nước nguồn nhân lực trong nước có thể đảm nhiệm được yêu cầu của các nhà đầu tư nước ngoài, khi đó có thể là tín hiệu tốt hơn cho các nhà đầu tư nước ngoài mở rộng hoặc tiếp tục thực hiện đầu tư tại trong nước.

Nghiên cứu mối quan hệ giữa chất lượng nguồn nhân lực và vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã được thực hiện qua một số nghiên cứu. Như nghiên cứu của Sadeghi và cộng sự (Sadeghi, Shahrestani, Kiani, & Torabi, 2020) cho rằng vốn FDI là nguồn lực quan trọng giúp quốc gia có khả năng hội nhập nhanh hơn, đồng thời quốc gia nào có lợi thế về thu hút vốn FDI thì có khả năng tăng trưởng cao. Các kết quả nghiên cứu hầu hết đều cho rằng cải thiện chất lượng nguồn nhân lực giúp cho nền kinh tế có lợi thế do sở hữu nguồn nhân lực có chất lượng và là điều kiện thuận lợi trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, như đã được khẳng định bởi Dutta và cộng sự (Dutta, Kar, & Saha, 2017) khẳng định vốn nhân lực chỉ có thể phát huy hết trong điều kiện nền kinh tế có môi trường kinh doanh thuận lợi và điều đó ảnh hưởng lớn tới dòng vốn quốc tế.

Tuy vậy, kể từ năm 2014 đến nay, thế giới đã trải qua sự biến đổi mạnh mẽ do những tác động tích cực từ cách mạng công nghệ 4.0. Cách mạng công nghệ đã giúp cho nền kinh tế truyền thống chuyển sang kinh tế số, năng suất lao động được nâng cao hơn. Hơn nữa, thế giới nói chung và các quốc gia châu Á nói riêng vừa trải qua ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, đã làm ảnh hưởng tới phát triển kinh tế của các quốc gia và xu hướng đầu tư trực tiếp nước ngoài có sự thay đổi. Đó là lý do hình thành nên nghiên cứu này.

## 2. Tổng quan nghiên cứu

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là nguồn lực tài chính bổ sung quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội tại các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển có nguồn lực tài chính còn hạn chế, nguồn bổ sung này giúp các quốc gia có khả năng thực hiện đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh và đáp ứng việc làm, chế độ phúc lợi xã hội. Đối với quốc gia phát triển, nguồn vốn FDI cũng giúp các quốc gia có khả năng nâng cao được năng suất lao động, thúc đẩy nhanh quá trình phát triển và chuyển giao công nghệ đưa đất nước nhanh hơn đến con đường thịnh vượng.

Nghiên cứu của Sadeghi và cộng sự (Sadeghi et al., 2020) cho rằng nguồn vốn FDI là nhân tố quan trọng của quá trình toàn cầu hóa do khả năng kết nối ngoại thương, đầu tư và dịch chuyển nguồn vốn giữa các quốc gia, nguồn vốn FDI có khả năng thúc đẩy toàn cầu hóa nhanh hơn. Bằng lợi thế công nghệ, vốn, khả năng quản trị và tinh thần khởi nghiệp, nguồn vốn FDI giúp cho các nhà đầu tư thực hiện sản xuất và kinh doanh tại nước nhận đầu tư. Nên thu hút nguồn vốn FDI phụ thuộc nhiều vào đặc điểm của nước nhận đầu tư, đặc biệt là quy mô thị trường và dồi dào nguồn nhân lực. Tuy vậy, Sadeghi và cộng sự (Sadeghi et al., 2020) cho rằng sự giống nhau về vốn nhân lực diễn ra ở nhiều nước, nhưng khả năng thu hút vốn FDI là khác nhau, thể hiện rằng Sadeghi và cộng sự (Sadeghi et al., 2020) khẳng định vốn nhân lực chưa chắc là nhân tố có ảnh hưởng đến thu hút dòng vốn FDI, mà có thể từ nhân tố khác.

Cho rằng vốn nhân lực là một trong các yếu tố có ảnh hưởng đến khả năng thu hút FDI tại các nước đang phát triển. Tuy nhiên, vốn nhân lực chỉ có thể phát huy hết hiệu quả trong nền kinh tế, khi nền kinh tế có mức tham nhũng được kiểm soát, hay có thể nói tham nhũng có ảnh hưởng đến mối quan hệ vốn nhân lực và thu hút dòng vốn FDI. Nghiên cứu của Dutta và cộng sự (Dutta et al., 2017) đánh giá tác động tương tác của tham nhũng và vốn con người đối với FDI. Cụ thể, Dutta và cộng sự (Dutta et al., 2017) thực hiện đánh giá xem liệu các quốc gia có mức độ tham nhũng cao hơn hay thấp hơn sẽ được hưởng lợi khác nhau về dòng vốn FDI sau khi mức độ vốn con người được cải thiện như nhau. Nghiên cứu sử dụng dữ liệu bảng và các chiến lược xác định hiệu quả, kết quả của nghiên cứu cho thấy rằng nếu điểm số tham nhũng của một quốc gia tham nhũng cao trở nên tương đương với điểm số của một quốc gia có mức độ tham nhũng thấp, thì dòng vốn FDI sẽ tăng gần 40% với mức tăng tương đương về nguồn vốn con người. Các kết quả vẫn mạnh mẽ đối với các biện pháp khác nhau về vốn con người. Qua đó có thể khẳng định quốc gia có mức độ tham nhũng thấp có khả năng gia tăng thêm hiệu quả thu hút dòng vốn FDI trong điều kiện có sự cải thiện về chất lượng nguồn nhân lực, nghĩa là mức độ tham nhũng được kiểm soát giúp cho nguồn nhân lực có khả năng cải thiện được hiệu quả, cải thiện được năng suất lao động và nguồn nhân lực có khả năng

tạo lợi ích rất lớn trong xu thế thu hút các dòng vốn quốc tế.

Mô hình kinh tế truyền thống nhấn mạnh vai trò của chất lượng nguồn nhân lực đối với thu hút đầu tư và được coi là nhân tố quan trọng trong khả năng thu hút đầu tư, đặc biệt là dòng vốn FDI. Nghiên cứu của Cleeve và cộng sự (Cleeve, Debrah, & Yiheyis, 2015) đánh giá vai trò của vốn con người đối với dòng vốn FDI vào cận Sahara, châu Phi qua sử dụng dữ liệu bảng cho giai đoạn 1980-2012. Một thước đo của vốn con người được sử dụng dựa trên chất lượng của lao động và cho rằng các đại diện cho chất lượng lao động đều phản ánh có mối quan hệ đến FDI. Tuy vậy, không có bằng chứng của tác động vốn nhân lực đối với FDI theo thời gian, phản ánh tác động của vốn con người có thể giảm xuống và không còn tồn tại, mà ảnh hưởng tới thu hút FDI có thể đến từ các nhân tố khác.

Nghiên cứu của Salike (Salike, 2016) sử dụng sáu chỉ số vốn con người: tài sản, sử dụng, nhân khẩu học, năng suất, hỗ trợ và sức khỏe nhằm nghiên cứu ảnh hưởng đến sự phân bổ FDI theo khu vực ở Trung Quốc thông qua sử dụng dữ liệu bảng cho 31 khu vực của Trung Quốc trong giai đoạn 2002-2013. Kết quả cho thấy các nhà đầu tư nước ngoài coi trọng sự sẵn có của nguồn nhân lực, cả về nguồn cung hiện tại (tài sản) và tương lai (nhân khẩu học), là yếu tố quan trọng nhất trong việc đưa ra quyết định đầu tư của họ, bởi khi thực hiện đầu tư, các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài luôn mong muốn có khả năng tuyển dụng được nhân lực có tri thức và kỹ năng phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu kinh doanh của công ty. Hơn nữa, nhân tố sức khỏe của lực lượng lao động và chất lượng của những người làm việc trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật cũng có ý nghĩa và là nhân tố quyết định tới đầu tư của doanh nghiệp FDI. Tuy vậy, quy mô thị trường địa phương, cơ sở hạ tầng và vị trí địa lý là những yếu tố quyết định quan trọng với khu vực phía Tây của Trung Quốc và có lợi thế thấp hơn so với khu vực miền Trung và Đông Bắc, thua xa khu vực phía Đông nhất, khẳng định lợi thế gần cảng biển mang lại lợi thế cho hoạt động sản xuất thông qua giảm chi phí vận chuyển hàng hóa và logistics. Hơn nữa, Trung Quốc có sự phát triển nhanh ở khu vực phía Đông và khu vực này cũng có lợi thế thị trường, mức thu nhập cao nên cũng là nơi có những lợi thế nhất định trong thu hút dòng vốn FDI.

Noorbakhsh và cộng sự (Noorbakhsh, Paloni, & Youssef, 2001) cho rằng tổng dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài chảy vào các nước đang phát triển tăng mạnh, nhưng phần lớn dòng vốn này chỉ hướng đến một số nước nhất định và nhiều nước khác rất khó có khả năng thu hút dòng vốn này. Các nghiên cứu trước đều cho rằng các nước đang phát triển có thể trở thành điểm đến đầu tư nhằm thu hút FDI bằng cách theo đuổi các chính sách nâng cao trình độ kỹ năng địa phương và xây dựng năng lực nguồn nhân lực, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực. Tuy vậy, Noorbakhsh và cộng sự (Noorbakhsh et al., 2001) khẳng định rằng vốn nhân lực chỉ thực sự mang lại hiệu quả trong thu hút FDI tại một số quốc gia cụ thể. Hơn nữa, các phát hiện qua nghiên cứu khẳng định vốn con người là yếu tố quyết định có ý nghĩa thống kê đối với dòng vốn FDI; tầm quan trọng của vốn con người ngày càng trở nên lớn hơn theo thời gian và gia tăng khả năng thu hút FDI vào nước nhận đầu tư.

Nghiên cứu của Abbas và cộng sự (Abbas, Moosa, & Ramiah, 2022) đánh giá vốn con người cao do các quốc gia phát triển sở hữu những người được giáo dục và lực lượng lao động được đào tạo tốt và ảnh hưởng đến việc thu hút FDI và cho thấy các doanh nghiệp luôn mong muốn tìm kiếm đầu tư tại nơi có vốn nhân lực cao và năng suất lao động cao. Kết quả nghiên cứu nhấn mạnh vốn con người là yếu tố quan trọng nhất để thu hút FDI, đặc biệt vốn con người thể hiện qua khả năng nhận tiền lương, thu nhập mà người lao động có khả năng đạt được, trong khi đó các công ty đa quốc gia tìm kiếm lao động giá rẻ và cũng có tay nghề cao, năng suất lao động cao ở nước sở tại.

Alarcón Osuna (Alarcón Osuna, 2016) nghiên cứu tác động của vốn nhân lực đối với FDI tại Mexico, được thực hiện tại 32 bang của nước này trong khoảng thời gian 2007 đến 2012, tác giả cho rằng vốn nhân lực thể hiện qua khả năng học tập tại bậc học đại học và bậc học cao hơn, khi quốc gia có lực lượng lao động này đủ lớn thì có khả năng hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao và giúp ích lớn hơn cho phát triển kinh tế. Alarcón Osuna (Alarcón Osuna, 2016) cho rằng vốn nhân lực có tác động phi tuyến tính đối với FDI, nghĩa là khi quốc gia có mức độ phát triển thấp, vốn nhân lực còn thấp, khi vốn nhân lực được cải thiện thì kéo theo sự cải thiện về khả năng thu hút dòng vốn FDI. Tuy vậy, khi vốn

nhân lực vượt qua một ngưỡng nhất định, tương xứng với mức độ phát triển kinh tế cao thì vốn nhân lực không có ảnh hưởng tới FDI. Trong hoàn cảnh đó, những nhân tố khác ngoài vốn nhân lực có tác động mạnh và rõ rệt hơn đến khả năng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Nghiên cứu trong nước, tiêu biểu có thể kể đến nghiên cứu của Nguyễn Thị Mai Hương và Kiều Thị Mai (Hương & Mai, 2021) tác giả nhấn mạnh rằng FDI là nguồn lực quan trọng trong phát triển kinh tế, chuyển giao công nghệ và xuất khẩu, nên cải thiện thu hút nguồn lực này vào trong nước, đặc biệt là Hà Nội là một mục tiêu quan trọng nhằm tạo thêm nguồn lực tài chính cho phát triển kinh tế xã hội. Tác giả cho rằng cơ sở hạ tầng và dịch vụ, điều kiện tự nhiên, môi trường kinh tế, xã hội và thể chế chính sách là nhân tố có ảnh hưởng tới khả năng lựa chọn đầu tư của các doanh nghiệp FDI. Nghiên cứu khác, Nguyễn Văn Phúc và Nguyễn Đại Hiệp (Phúc & Hiệp, 2011) nhấn mạnh hoạt động sản xuất công nghiệp tại nước sở tại, cơ sở hạ tầng và thiết chế pháp lý có ảnh hưởng tương đối quan trọng đến các nhà đầu tư FDI, trong đó dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp có vai trò quan trọng trong khả năng cung cấp dịch vụ và hỗ trợ nhà đầu tư trong triển khai dự án, và do đó thúc đẩy họ thực hiện và mở rộng đầu tư tại địa phương.

**3. Nguồn số liệu và phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu này chúng tôi sử dụng dữ liệu thống kê từ các nước một số quốc gia Đông Nam Á điển

hình là nhóm 6 nước có mức độ ảnh hưởng lớn đến kinh tế khu vực Đông Nam Á và cũng là nhóm nước có quy mô nền kinh tế lớn của khu vực. Hơn nữa, dòng vốn FDI cũng chủ yếu đến các nước này, khi Singapore là điểm đến lý tưởng nhất cho các nhà đầu tư. Các nước khác như Thái Lan, Malaysia, Phillipines, Indonesia và Việt Nam cũng đã có những thành công nhất định trong thu hút FDI và FDI đã có đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của từng nước. Nguồn số liệu chúng tôi thu thập từ Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ Quốc tế và đồng thời tại Cục thống kê của từng nước nghiên cứu.

Các nghiên cứu của Cleeve và cộng sự (Cleeve et al., 2015), Sadeghi và cộng sự (Sadeghi et al., 2020) đều cho rằng chất lượng nguồn nhân lực được thể hiện là tổng hòa các nhân tố đại diện cho nhân lực của một quốc gia, khu vực và thường thể hiện tích lũy qua quá trình đào tạo, chăm sóc sức khỏe và phúc lợi xã hội. Đối với hoạt động sản xuất, nguồn nhân lực thể hiện qua đóng góp của lao động có kỹ năng vào hoạt động sản xuất và nó được gọi là vốn nhân lực, như được đề xuất từ mô hình hàm sản xuất Cobb-Douglas.

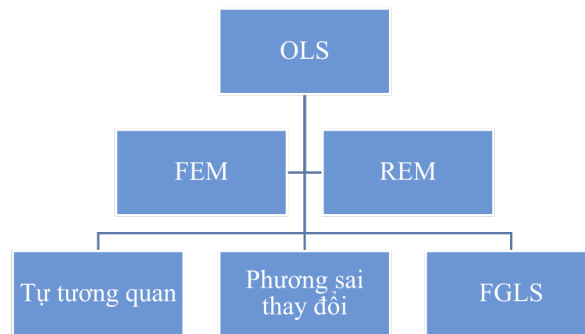
Dựa theo các nghiên cứu trước, chúng tôi phát triển mô hình nghiên cứu từ mô hình gốc của Cleeve và cộng sự (Cleeve et al., 2015), khi đó phương trình hồi quy được viết như sau:

$$FDI_{it} = \beta_0i + \beta_1NHANLUC_{it} + \beta_2TANGTRUONG_{it} + \beta_3THUONGMAI_{it} + \beta_4DOTHIOA_{it} + \mu_{it}$$

**Bảng 1:** Các biến trong mô hình hồi quy

Các biến	Ký hiệu	Giải thích
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	$FDI_{it}$	là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ròng tại quốc gia $i$ tại năm $t$ , $i$ lần lượt là 6 nước, $t = 2000$ đến 2020;
Vốn nhân lực	$NHANLUC_{it}$	chỉ số vốn nhân lực của quốc gia $i$ tại năm $t$ , $i$ lần lượt là 6 nước, $t = 2000$ đến 2020;
Tốc độ tăng trưởng kinh tế	$TANGTRUONG_{it}$	tăng trưởng kinh tế quốc gia $i$ tại năm $t$ , $i$ lần lượt là 6 nước, $t = 2000$ đến 2020;
Mức độ thương mại	$THUONGMAI_{it}$	mức độ thương mại của quốc gia $i$ tại năm $t$ , bằng xuất khẩu và nhập khẩu so với GDP, $i$ lần lượt là 6 nước, $t = 2000$ đến 2020;
Tỷ lệ đô thị hóa	$DOTHIOA_{it}$	tỷ lệ đô thị hóa của quốc gia $i$ tại năm $t$ , $i$ lần lượt là 6 nước, $t = 2000$ đến 2020;

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)



(Nguồn: Tác giả đề xuất)

**Hình 1:** Quy trình nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu được thực hiện như sau: thực hiện hồi quy OLS, hồi quy FEM, hồi quy REM để chọn ra mô hình hồi quy tối ưu nhất. Đánh giá hiện tượng tự tương quan và phương sai thay đổi, có thể thực hiện hồi quy FGLS để sửa chữa các hiện tượng tự tương quan và/hoặc phương sai thay đổi.

**4. Kết quả nghiên cứu**

**4.1. Phân tích thống kê mô tả và tương quan**

Dựa vào thống kê mô tả, ta thấy FDI đạt giá trị trung bình của Indonesia 1.27% GDP và là mức thấp nhất nhóm quốc gia ASEAN6, cao hơn một chút là Philippines chỉ đạt 1.60% GDP. Trong khi đó, Singapore có khả năng thu hút FDI tương đối vượt trội so với các quốc gia khác khi đạt mức bình quân 19.84% GDP.

Về vốn nhân lực, Singapore là quốc gia có chỉ số vốn nhân lực cao nhất đạt 3.19, cao hơn so với hầu hết các quốc gia khác như Philippines đạt 2.58, Indonesia đạt 2.31, Malaysia đạt 2.84, Thái Lan đạt 2.52 và Việt Nam đạt 2.40, phản ánh Singapore đang sở hữu chất lượng nguồn nhân lực cao hơn hầu hết các quốc gia khác trong khu vực.

Phân tích tương quan, ta thấy các biến có mức độ tương quan thấp (đều nhỏ hơn 0.80), nên khó có khả năng xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến khi phân tích hồi quy.

**4.2. Phân tích kết quả hồi quy**

Dựa trên kết quả lựa chọn mô hình ước lượng, ta thấy ước lượng theo REM cho kết quả hồi quy tốt nhất. Dựa theo kiểm định phương sai thay đổi, ta thấy mô hình có hiện tượng phương sai thay đổi. Tuy vậy, mô hình không có hiện tượng tự tương quan. Kết luận chung, nghiên cứu nên thực hiện hồi quy theo FGLS.

Kết quả hồi quy khẳng định vốn nhân lực có tác động tích cực đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong trường hợp ASEAN6. Kết quả nghiên cứu khẳng định chính sách đúng đắn của các quốc gia trong khu vực khi luôn quan tâm tới đầu tư cho y tế và giáo dục, phúc lợi xã hội nhằm cải thiện chất lượng nguồn nhân lực. Chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện đồng nghĩa với khả năng người lao động có khả năng tăng năng suất lao động và khi đó người lao động có nhiều đóng góp hơn vào hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, kích thích tiêu dùng và đóng góp phát triển kinh tế xã hội. Kết quả nghiên cứu này tương tự như kết quả của Dutta (Dutta et al., 2017) cho rằng quốc gia có chất lượng nguồn nhân lực có nhiều lợi thế trong thu hút FDI, đặc biệt khi quốc gia có khả năng kiểm soát tham nhũng, hiệu quả thu hút FDI có thể tăng tới 40% so với trước. Salike (Salike, 2016) cũng khẳng định trong trường hợp của Trung Quốc khi tác giả cho rằng các nhà đầu tư nước ngoài coi trọng sự sẵn có của nguồn nhân lực, cả về nguồn cung hiện tại (tài sản) và tương lai (nhân khẩu học), là yếu tố quan trọng nhất trong việc đưa ra quyết định đầu tư của họ đến nước nhận đầu tư. Nguồn nhân lực có chất lượng có khả năng giúp các doanh nghiệp FDI có thể dễ dàng tìm kiếm nhân lực phù hợp cho hoạt động sản xuất của họ, giúp cho doanh nghiệp có thể nâng cao được năng suất lao động, tạo lợi thế cạnh tranh trong sản xuất và phát triển trên thị trường quốc tế. Do đó, cần thực hiện chính sách nâng cao trình độ kỹ năng của người lao động, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực nhằm tạo đòn bẩy thu hút các dòng vốn FDI có chất lượng cao, mang lại hiệu quả kinh tế cao cho đất nước (Noorbakhsh et al., 2001). Tính mới của nghiên cứu này được biểu hiện qua

**Bảng 2:** Phân tích thống kê mô tả

<b>Biến</b>	<b>Giá trị trung bình</b>	<b>Độ lệch chuẩn</b>	<b>Giá trị nhỏ nhất</b>	<b>Giá trị lớn nhất</b>
<b>Quốc gia</b>	<b>Indonesia</b>			
FDI	1.270187	1.513343	-2.75744	2.916115
NHANLUC	2.319847	.0653198	2.185667	2.41677
TANGTRUONG	4.91167	1.731411	-2.069543	6.345022
THUONGMAI	50.89738	10.54313	33.19059	71.43688
DOTHIHOA	49.6109	4.560514	42.002	56.641
<b>Quốc gia</b>	<b>Malaysia</b>			
FDI	3.201381	1.259325	.0566923	5.074455
NHANLUC	2.84846	.1549972	2.587312	3.078611
TANGTRUONG	4.552627	3.164148	-5.587745	8.858868
THUONGMAI	165.1875	33.92083	116.5036	220.4068
DOTHIHOA	70.31295	4.740004	61.977	77.16
<b>Quốc gia</b>	<b>Philippines</b>			
FDI	1.602764	.7784001	.5136985	3.122387
NHANLUC	2.583564	.0829583	2.444705	2.71488
TANGTRUONG	4.757515	3.628466	-9.57303	7.3345
THUONGMAI	70.56231	11.38074	55.82478	87.57464
DOTHIHOA	46.04729	.5845015	45.332	47.408
<b>Quốc gia</b>	<b>Singapore</b>			
FDI	19.84278	6.506492	6.65371	32.16984
NHANLUC	3.193616	.5468998	2.652658	4.351568
TANGTRUONG	4.666937	4.30967	-5.391021	14.52564
THUONGMAI	363.8669	37.29113	303.3184	437.3267
DOTHIHOA	100	0	100	100
<b>Quốc gia</b>	<b>Thái Lan</b>			
FDI	2.733323	1.181862	.6670869	4.339584
NHANLUC	2.526562	.175138	2.241505	2.804449
TANGTRUONG	3.501751	3.123248	-6.08722	7.513391
THUONGMAI	124.994	10.6027	97.92958	140.437
DOTHIHOA	42.53071	6.338557	31.386	51.43
<b>Quốc gia</b>	<b>Việt Nam</b>			
FDI	5.376156	1.836226	2.15	9.663039
NHANLUC	2.407059	.2821301	1.972043	2.869998
TANGTRUONG	6.308035	1.027354	2.905836	7.547248
THUONGMAI	157.536	32.049	111.4171	210.4002
DOTHIHOA	30.58914	4.038621	24.374	37.34

(Nguồn: Tính toán của tác giả)



**Bảng 3:** Phân tích ma trận tương quan

Biến	FDI	NHANLUC	TANGTRUONG	THUONGMAI	DOTHIHOA
FDI	1,0000				
NHANLUC	0.6800	1,0000			
TANGTRUONG	0.1146	-0.1876	1,0000		
THUONGMAI	0.8441	0.5920	0.0387	1,0000	
DOTHIHOA	0.7195	0.7333	-0.0889	0.7729	1,0000

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

**Bảng 4:** Phân tích kết quả hồi quy đa biến

Biến	Kết quả hồi quy			
	OLS	FEM	REM	FGLS
NHANLUC	5,9515*** (0,000)	6,8428*** (0,000)	6,7179*** (0,000)	5,9515*** (0,000)
TANGTRUONG	0,4814*** (0,001)	0,5170*** (0,000)	0,4992*** (0,000)	0,4814*** (0,001)
THUONGMAI	0,0439*** (0,000)	-0,0061 (0,512)	0,0120 (0,157)	0,0439*** (0,000)
DOTHIHOA	-0,0054 (0,828)	-0,1583** (0,013)	-0,0300 (0,559)	-0,0054 (0,823)
_cons	-19,1318*** (0,000)	-5,2512 (0,180)	-14,9082*** (0,000)	-19,1318*** (0,000)

Ghi chú: \*\*\*, \* tương ứng với độ tin cậy 1%, 10%.

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

**Bảng 5:** Lựa chọn mô hình hồi quy và phân tích các khuyết tật

Kiểm định	Trị kiểm định	Kết luận
Kiểm định F	$F(5, 110) = 25.91$ Prob > F = 0.0000	Mô hình FEM tốt hơn OLS
Kiểm định Hausman	$\text{chi}2(4) = (b-B)'[(V_b - V_B)^{-1}](b-B) = 25.71$ Prob > chi2 = 0.0000	Mô hình FEM tốt hơn REM
Phương sai thay đổi	$\text{chi}2(6) = 688.29$ Prob > chi2 = 0.0000	Có hiện tượng phương sai thay đổi
Tự tương quan	$F(1, 5) = 0.478$ Prob > F = 0.5199	Không có hiện tượng tự tương quan

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

một số kết quả như sau: Một là, nghiên cứu tại khu vực Đông Nam Á, đặc biệt trong thời gian gần đây chưa được thực hiện bởi các tác giả khác, khu vực này có mức độ hội nhập kinh tế cao và có nhiều thuận lợi trong phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, kết quả nghiên cứu cung cấp minh chứng xác đáng chứng minh hiệu quả của hội nhập kinh tế của các nước trong khu vực và hiệu quả đối với thu hút đầu tư nước ngoài. Hai là, các nghiên cứu trước cũng cho rằng trong một số trường hợp, chất lượng nguồn nhân lực chưa chắc đã mang lại hiệu quả thu hút đầu tư, như trường hợp nghiên cứu của Noorbakhsh (Noorbakhsh et al., 2001) tác giả cho rằng vốn nhân lực chỉ thực sự mang lại hiệu quả trong thu hút FDI tại một số quốc gia cụ thể và kết quả nghiên cứu của tác giả nhằm đánh giá lại hiệu quả này ở khu vực Đông Nam Á nhằm cung cấp bằng chứng rõ ràng hơn về những tranh luận khác nhau giữa mối quan hệ nhân lực và thu hút FDI.

Kết quả nghiên cứu cũng khẳng định tác động tích cực của tăng trưởng kinh tế đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Qua đó khẳng định quốc gia có khả năng duy trì tăng trưởng kinh tế thì thường có nhiều lợi thế trong thu hút các doanh nghiệp FDI đến đầu tư, khi đó các doanh nghiệp FDI sản xuất phục vụ nhu cầu nội địa tăng lên, vừa có khả năng cải thiện khả năng xuất khẩu. Hơn nữa, kết quả nghiên cứu cũng cho rằng thương mại có tác động tích cực đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Khi quốc gia có mức độ thương mại cao, quốc gia có lợi thế trong sản xuất và khả năng hội nhập kinh tế quốc tế, nên đó là cơ hội cho các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài đến mở nhà máy, tham gia các hoạt động sản xuất để xuất khẩu. Các nhà đầu tư nước ngoài cũng có nhu cầu nhập khẩu hàng hóa, do đó khả năng nhập khẩu cũng được cải thiện, hay có thể khẳng định hoạt động thương mại có thể được cải thiện. Sự hấp dẫn về hoạt động thương mại quốc gia còn đến từ chính sách thương mại của quốc gia, đặc biệt quốc gia có mức độ tự do hóa thương mại cao, có tham gia các hiệp định tự do thương mại với các đối tác thương mại lớn thì càng có nhiều cơ hội thu hút các dòng vốn quốc tế. Như trường hợp của Việt Nam đã tham gia 14 hiệp định tự do thương mại, đồng thời tham gia các hiệp định thương mại thế hệ mới CPTPP đã giúp Việt Nam trở thành điểm đến của các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài, điều này cũng tương tự như trường hợp của Singapore.

### **5. Kết luận**

Để đáp ứng yêu cầu phát triển, nhu cầu về vốn, đặc biệt là nguồn vốn trực tiếp nước ngoài là rất cần thiết nhằm bù đắp sự thiếu hụt nguồn vốn cho nhu cầu đầu tư và phát triển. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài có lợi thế về công nghệ, năng suất và khả năng quản trị giúp cho các doanh nghiệp trong nước có thể học hỏi và nâng cao hiệu quả hoạt động, năng suất. Nghiên cứu ảnh hưởng của vốn nhân lực đến khả năng thu hút dòng vốn FDI tại các nước ASEAN6 điển hình bao gồm Singapore, Thái Lan, Malaysia, Phillipines, Indonesia và Việt Nam, kết quả nghiên cứu khẳng định rằng cải thiện vốn nhân lực là nhân tố quan trọng nhất cải thiện khả năng thu hút FDI đến nước nhận đầu tư. Các doanh nghiệp FDI thường lựa chọn quốc gia có lợi thế về chất lượng nguồn nhân lực nhằm có thể đáp ứng hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu cũng cho rằng quá trình mở rộng thương mại là một lực hút quan trọng đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài. Quốc gia có mức độ tự do hóa thương mại cao thông qua tham gia các hiệp định tự do thương mại và hiệp định thương mại mới có lợi thế trong xuất nhập khẩu hàng hóa, do đó các doanh nghiệp FDI thường ưa thích mở rộng đầu tư. Nghiên cứu cũng khẳng định mối quan hệ đồng biến giữa tăng trưởng kinh tế và thu hút dòng vốn FDI.

Qua nghiên cứu, có một số hàm ý chính sách cho các quốc gia, đặc biệt là quốc gia trong nhóm ASEAN6. Một là, ASEAN6 tiếp tục đầu tư vào chất lượng nguồn nhân lực và gia tăng hơn nữa vốn nhân lực thông qua đào tạo và chế độ chăm sóc sức khỏe. Hai là, ASEAN6 tiếp tục thuận lợi hóa hoạt động thương mại theo hướng tự do hóa thương mại, tạo điều kiện thuận lợi cho trao đổi hàng hóa giữa các nước, tạo cơ chế thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp FDI thực hiện mở rộng đầu tư. Ba là, ASEAN6 thực hiện cải cách cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng nhằm đưa nền kinh tế đạt được trạng thái tăng trưởng toàn dụng, có mức tăng trưởng cao.

Nghiên cứu có một số gợi ý cho Việt Nam nhằm tối ưu hóa hơn khả năng thu hút FDI trong bối cảnh thu hút FDI đang có sự cạnh tranh khốc liệt giữa các quốc gia như hiện nay. Một mặt, giống như các nước, Việt Nam cần đầu tư vào nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là giáo dục đại học khi mà hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam được đánh giá là chưa thực sự hiệu quả. Mặt khác, Việt Nam cần thực thi thu hút FDI thế hệ mới, các dự án đầu tư xanh, có nền tảng công nghệ cao nên được duy trì và mở rộng. Hạn chế tình trạng thu hút FDI bằng mọi cách có thể gây ra ô nhiễm môi trường và phát triển bền vững. ♦

#### ***Tài liệu tham khảo:***

1. Abbas, A., Moosa, I., & Ramiah, V. (2022). The contribution of human capital to foreign direct investment inflows in developing countries. *Journal of Intellectual Capital*, 23(1), 9-26.
2. Alarcón Osuna, M. A. (2016). Human capital formation and foreign direct investment: Is it a non-linear relationship? *Acta universitaria*, 26(4), 66-78.
3. Cleeve, E. A., Debrah, Y., & Yiheyis, Z. (2015). Human capital and FDI inflow: An assessment of the African case. *World Development*, 74, 1-14.
4. Dutta, N., Kar, S., & Saha, S. (2017). Human capital and FDI: How does corruption affect the relationship? *Economic Analysis and Policy*, 56, 126-134.
5. Hương, N. T. M., & Mai, K. T. (2021). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào lĩnh vực nông nghiệp ở Hà Nội. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ-Đại học Đà Nẵng*, 1-8.
6. Noorbakhsh, F., Paloni, A., & Youssef, A. (2001). Human capital and FDI inflows to developing countries: New empirical evidence. *World Development*, 29(9), 1593-1610.
7. Phúc, N. V., & Hiệp, N. Đ. (2011). Các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư nước ngoài của

các tỉnh/Thành phố ở Việt Nam: một phân tích dữ liệu chéo. *Tạp chí khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh - Kinh tế và quản trị kinh doanh*, 6(1), 50-60.

8. Sadeghi, P., Shahrestani, H., Kiani, K. H., & Torabi, T. (2020). Economic complexity, human capital, and FDI attraction: A cross country analysis. *International Economics*, 164, 168-182.

9. Salike, N. (2016). Role of human capital on regional distribution of FDI in China: New evidences. *China Economic Review*, 37, 66-84.

#### **Summary**

Foreign direct investment has made practical contributions to socio-economic development in all countries. Foreign direct investment capital is an important additional resource in socio-economic development, contributing to the budget, employment and international economic integration. Foreign direct investment is often associated with technology, knowledge, innovation, and labor productivity improvement. Further, countries with high human capital often have an advantage in attracting FDI inflows. Research in selected Southeast Asian countries, through regression analysis, the research results confirm that countries with high human capital have many advantages in attracting FDI inflows. Moreover, trade openness and economic growth have a positive impact on the ability to attract FDI in the host country. The study also proposes some policy implications for Southeast Asian countries and for Vietnam to improve the ability to attract FDI in the coming time.